TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Bà Trần Thị Kim Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Lê Ngọc H1**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số H, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (cũ là: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Ngọc H1 chung sống như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2001 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, sau đó thì chị

H1 bỏ nhà đi cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Lê Ngọc H1.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Ngọc H1 không có con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Lê Ngọc H1:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Lê Ngọc H1 nhưng chị H1 không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh H được ly hôn với chị Lê Ngọc H1; về con chung: anh H khai vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Ngọc H1; chị Lê Ngọc H1 có nơi cư trú tại Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nay là số H, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Lê Ngọc H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt chị Lê Ngọc H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Ngọc H1 sống chung từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh

Vĩnh Long vào ngày 03/12/2001 nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Ngọc H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Nhận thấy, sau khi kết hôn thì anh H và chị H1 sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẩn, chị H1 đã bỏ nhà đi từ năm 2011 cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2024 đối với ông Huỳnh Thanh H2 là Phó trưởng khu F, thị trấn T cho biết: Chị Lê Ngọc H1 có hộ khẩu thường trú tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nay là số H, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi vợ chồng xảy ra tranh chấp thì chị H1 đã bỏ nhà đi, khi đi không báo với chính quyền địa phương.

Xét thấy, Anh H3 và chị H1 đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, anh H3 và chị H1 không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh H3 yêu cầu ly hôn với chị H1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh H trình bày vợ chồng không có con chung, còn chị H1 không có văn bản trình bày ý kiến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Lê Ngọc H1.

1.2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0010818 ngày 02/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh Nguyễn Thanh H đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình (Số 95/2001, ngày 03/12/2001)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÀNH LUÂN